

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04-01-2024

V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Dũng

Bà Ché Thị Hồng Cẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Cù Thị Ngọc Hân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên
tòa: Ông Châu Pho Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm
công khai vụ án thụ lý số: 240/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về
tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
137/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số
88/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hà Thanh L, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện
T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh
An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong khởi kiện xin ly hôn ngày 10-10-2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án
nguyên đơn ông Hà Thanh L trình bày: Ông và bà Mai Thị Đ qua quá trình tự tìm
hiểu nhau đã tự nguyện đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký
kết hôn vào ngày 25-12-2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Sau
khi kết hôn ông và bà Đ chung sống hạnh phúc tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An
Giang, nhưng khoảng từ năm 2021 do khó khăn về kinh tế giữa ông và bà Đ xảy ra

mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì chuyện kinh tế trong gia đình, mâu thuẫn kéo dài nên, đến tháng 05 năm 2023 thì ông và bà Đ không còn sống chung vợ chồng, ly thân từ đó đến nay, nhiều lần hai bên đã cố tình hàn gắn nhưng không thành. Nay nhận thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên ông L xin ly hôn với bà Mai Thị Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Lê Triệu H, sinh ngày 03-4-2011 và Hà Lê Triệu A, sinh ngày 17-5-2021. Hiện cháu H đang sống cùng ông L, còn cháu A đang sống cùng bà Đ. Khi ly hôn ông L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, đồng ý giao cháu A cho bà Đ nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Mai Thị Đ để tham gia tố tụng nhưng bà Đ vắng mặt không rõ lý do, nên không tiếp nhận lời khai của bà.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Ông Hà Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Mai Thị Đ; về con chung: Xin được nuôi dưỡng cháu H, đồng ý giao cháu A cho bà Đ nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Mai Thị Đ Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Mai Thị Đ để tham gia tố tụng nhưng bà Đ vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 71 BLTTDS. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là vi phạm Điều 72 BLTTDS.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Qua thời gian tìm hiểu giữa ông L và bà Đ tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T vào ngày 25-12-2013 nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và tiền bạc. Hiện nay giữa ông L và bà Đ đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên ông L xin ly hôn với

bà Đ. Mặc khác, từ khi thụ lý cho đến nay bà Đ được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 27-10-2023 được biết, hiện ông L và bà Đ không còn chung sống với nhau, còn việc xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì không rõ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Lê Triệu H, sinh ngày 03-4-2011 và Hà Lê Triệu A, sinh ngày 17-5-2021, đối với cháu H đang sống cùng ông L và nguyện vọng muốn sống cùng với ông L nên giao cháu H cho ông L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, bà Đ không phải cấp dưỡng do ông L không yêu cầu; đồng thời ông L cũng đồng ý giao cháu Triệu A cho bà Đ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Từ những chứng cứ trên xét thấy ông L xin ly hôn với bà Đ là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Mai Thị Đ cư trú tại 01, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Mai Thị Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng bà Đ vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với bà Mai Thị Đ.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa ông Hà Thanh L và bà Mai Thị Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 25-12-2013 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên giữa ông L và bà Đ sau khi kết hôn được một thời gian đến năm 2021 phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính là do ông L và bà Đ mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng cứ thường xuyên cãi vã và không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên không thể chung sống vợ chồng, giữa ông L và bà Đ đã ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay.

Quá trình tố tụng của Tòa án, cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Mai Thị Đ, nhằm đảm bảo quyền lợi của bà Đ theo

quy định của pháp luật đề bà Đ được trình bày ý kiến, nhưng bà Đ vẫn vắng mặt và bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông L. Do vậy, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà Đ.

Tại biên bản xác minh ngày 27-10-2023 tại ban ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Hiện ông L và bà Đ đã ly thân nhau, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của ông L và bà Đ địa phương không rõ. Giữa ông L và bà Đ có 02 con chung tên Hà Lê Triệu H, sinh ngày 03-4-2011 và Hà Lê Triệu A, sinh ngày 17-5-2021. Hiện cháu H đang sống cùng ông L, còn cháu A đang sống cùng bà Đ.

Theo biên bản xác minh ngày 27-10-2023 tại Công an xã V xác định bà Mai Thị Đ vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc giải quyết cuộc sống gia đình. Tuy nhiên giữa ông L và bà Đ không hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, giữa ông L và bà Đ không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân, cả hai không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình, đã ly thân từ tháng 5-2023 đến nay, nhưng từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà Đ rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của ông L về việc yêu cầu ly hôn với bà Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Lê Triệu H, sinh ngày 03-4-2011 và Hà Lê Triệu A, sinh ngày 17-5-2021. Hiện cháu H đang sống cùng ông L, còn cháu A đang sống cùng bà Đ. Sau khi ly hôn ông L có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung tên H, đồng ý giao cháu A cho bà Đ nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhằm ghi nhận ý kiến bà Đ, nhưng bà Đ vắng mặt. Tại phiên tòa ông L vẫn xin được nuôi dưỡng con chung tên Hà Lê Triệu H và đồng ý giao cháu Hà Lê Triệu A cho bà Đ nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ông L và bà Đ ly thân đến nay, bé Hà Lê Triệu H đều do ông L chăm sóc, nuôi dưỡng và ông L đảm bảo các điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu H, bên cạnh đó nguyện vọng của cháu H muốn sống cùng cha tên Hà Thanh L sau khi cha mẹ ly hôn. Đối với cháu A hiện do bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, nhằm tạo điều kiện sự phát triển toàn diện các cháu, tránh xáo trộn đời sống tâm lý của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Hà Lê Triệu H, sinh ngày 03-4-2011 cho ông Hà Thanh L tiếp tục nuôi dưỡng và cháu Hà Lê Triệu A, sinh ngày 17-5-2021 cho bà Mai Thị Đ nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông **L** không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông **Hà Thanh L** là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, ông **L** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông **Hà Thanh L**.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Hà Thanh L** được ly hôn với bà **Mai Thị Đ**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 25 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã **V**, huyện **T**, tỉnh **An Giang** không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Giao cháu **Hà Lê Triệu H**, sinh ngày 03-4-2011 cho ông **Hà Thanh L** được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà **Mai Thị Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Giao cháu **Hà Lê Triệu A**, sinh ngày 17-5-2021 cho bà **Mai Thị Đ** được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông **Hà Thanh L** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông **Hà Thanh L** phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông **Hà Thanh L** đã nộp theo biên lai thu số 0010261 ngày 10 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- UBND xã Vĩnh Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc L1